

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 9 - 2020

V/v: Không công nhận là vợ chồng  
và nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đại M

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Bận

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Văn Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:** Ông Y Lương BYã - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2020, về việc “Không công nhận là vợ chồng và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Võ Phương L, sinh năm 1984, có mặt.

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Hồng M, sinh năm 1976, vắng mặt.

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Võ Phương L trình bày:

Chị Võ Phương L và anh Nguyễn Hồng M tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, anh M không quan tâm đến vợ con, nhiều lần anh M đánh chị Võ Phương L. Chị Võ Phương L và anh Nguyễn Hồng M sống với nhau không có hạnh phúc, đã sống ly thân với nhau từ 02/2020. Chị Võ Phương L xác định không còn

tình cảm với anh Nguyễn Hồng M nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị Võ Phương L và anh Nguyễn Hồng M là vợ chồng.

Về con chung: Chị Võ Phương L và anh Nguyễn Hồng M có hai con chung là Nguyễn Võ Hồng N, sinh ngày 05/3/2008 và Nguyễn Võ Thành P, sinh ngày 21/9/2012. Nguyễn vụng chị Võ Phương L xin được nuôi cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Võ Phương L tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Võ Phương L tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Hồng M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Nguyễn Hồng M vắng mặt không tham gia tố tụng.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại khoản 8 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39; các Điều 97; 98; 170; 171; 175; 177; 203; 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Võ Phương L.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Phương L và anh Nguyễn Hồng M.

Về con chung: Giao cho chị Võ Phương L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Võ Hồng N, sinh ngày 05/3/2008 và Nguyễn Võ Thành P, sinh ngày 21/9/2012 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Võ Phương L không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Võ Phương L không yêu cầu nên không giải quyết.

Về nợ chung: Chị Võ Phương L không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Võ Phương L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Võ Phương L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận chị với anh Nguyễn Hồng M là vợ chồng và nuôi con chung. Đây là quan hệ tranh chấp “Không công nhận là vợ chồng và nuôi con”. Bị đơn anh Nguyễn Hồng M có địa chỉ cư trú tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không tham gia tố tụng, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Võ Phương L và anh Nguyễn Hồng M tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn, nên xác định đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Do đó chị Võ Phương L đề nghị Tòa án tuyên bố chị Võ Phương L và anh Nguyễn Hồng M không phải là vợ chồng là phù hợp theo quy định tại Điều 9; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

- *Về con chung*: Chị Võ Phương L và anh Nguyễn Hồng M có hai con chung là Nguyễn Võ Hồng N, sinh ngày 05/3/2008 và Nguyễn Võ Thành P, sinh ngày 21/9/2012. Nguyên vọng chị Võ Phương L xin được nuôi cả hai con chung, đồng thời cháu Nguyễn Võ Hồng N và Nguyễn Võ Thành P đều có nguyện vọng ở với chị Võ Phương L. Xét thấy nguyện vọng của đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Giao cho chị Võ Phương L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Võ Hồng N và Nguyễn Võ Thành P cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Võ Phương L tự giải quyết, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chị Võ Phương L tự giải quyết, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Võ Phương L xác định không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Võ Phương L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Võ Phương L.

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Phương L và anh Nguyễn Hồng M.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Võ Phương L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Võ Hồng N, sinh ngày 05/3/2008 và Nguyễn Võ Thành P, sinh ngày 21/9/2012 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Võ Phương L không yêu cầu nên không giải quyết.

Anh Nguyễn Hồng M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung:* Chị Võ Phương L không yêu cầu nên không giải quyết.

Về nợ chung: Chị Võ Phương L không yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Võ Phương L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà Võ Phương L đã nộp theo biên lai số AA/2019/0007526 ngày 06/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.B;
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Đại Minh**

